

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 8 tháng 6 năm 2021

THỎẢ THUẬN KHUNG

Số: 04/2021/TTK-ĐPG

**Gói thầu số 3: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Mabthera (Rituximab 500mg)
hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục Đàm phán giá
cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021 - 2022.**

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2013;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành.

Căn cứ Thông tư 15/2020/TT-BYT ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 4572/QĐ-BYT ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc danh mục đàm phán giá năm 2020 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-TTMS ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu cung cấp thuốc theo hình thức Đàm phán giá năm 2020 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-TTMS ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt Danh sách nhà thầu và các thuốc đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật gói thầu số 01 “Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Cerebrolysin hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục Đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021 - 2022”, gói thầu số 02 “Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Tienam (Imipenem+Cilastatin 500mg + 500mg) hoặc tương đương

Thư
Tomu



điều trị thuộc danh mục Đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021 - 2022”, gói thầu số 03 “Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Mabthera (Rituximab 500mg) hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục áp dụng hình thức Đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021 - 2022”, gói thầu số 04 “Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Nexavar (Sorafenib tosylate 200mg) hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục Đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021 - 2022” của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2797/QĐ-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt điều chỉnh tên hoạt chất của thuốc Nexavar tại Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc biệt dược gốc thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2020 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Thư chấp thuận Hồ sơ đề xuất và trao thỏa thuận khung số 341/TTMS-NVD ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Hôm nay, ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, Chúng tôi gồm:

I. Cơ quan ký thỏa thuận khung:

- Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (sau đây viết tắt là Trung tâm MSTTQG)

- Đại diện: Ông Nguyễn Trí Dũng

- Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội

- Điện thoại: 024 6273 2383

II. Nhà thầu cung cấp thuốc:

- Công ty cổ phần Dược Liệu Trung ương 2

- Đại diện: Ông Hoàng Văn Phúc

- Chức vụ: Giám đốc dự án thầu Bệnh viện

- Địa chỉ: 24 Nguyễn Thị Nghĩa, P. Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

- Điện thoại: 028.38323009

Hai bên thống nhất ký kết Thỏa thuận khung cho việc cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế trên toàn quốc theo kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 3: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Mabthera (Rituximab 500mg) hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục Đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021 - 2022 như sau:

1. Phạm vi cung cấp

- Phạm vi cung cấp là mặt hàng thuốc trúng thầu Gói thầu số 3: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Mabthera (Rituximab 500mg) hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục Đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021 - 2022 theo Quyết định số 2797/QĐ-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt điều chỉnh tên hoạt chất của thuốc Nexavar tại Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc biệt dược gốc thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2020 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia theo số lượng của từng mặt hàng phân bổ cho các cơ sở y tế trên toàn quốc (Chi tiết tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2).

- Trên cơ sở Thỏa thuận khung này, Nhà thầu và các cơ sở y tế trên toàn quốc sẽ ký hợp đồng để cung ứng thuốc cho từng cơ sở y tế.

2. Thời gian, địa điểm giao hàng:

- Nhà thầu giao hàng làm nhiều đợt trong thời gian kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực đến hết ngày 31/5/2023 và được quy định trong hợp đồng. Các cơ sở y tế (bên mua) dự trữ số lượng thuốc tùy theo nhu cầu thực tế của từng đơn vị; nhà thầu phải đáp ứng cung cấp đủ số lượng, đạt chất lượng hàng hóa theo thời gian thỏa thuận với các cơ sở y tế được quy định trong hợp đồng. Bên mua có thể dự trữ hàng đợt xuất khi cần thiết phục vụ kịp thời cho công tác khám chữa bệnh.

- Địa điểm giao hàng: Hàng hoá được giao tại kho của bên mua theo danh mục các cơ sở y tế đính kèm tại Phụ lục 2 thuộc Gói thầu số 3: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Mabthera (Rituximab 500mg) hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục Đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021 - 2022.

3. Điều kiện bàn giao hàng hóa, thanh toán, thanh lý hợp đồng

3.1. Điều kiện bàn giao hàng hóa

- Thuốc cung cấp phải bảo đảm về tiêu chuẩn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Bộ Y tế. Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho các cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm.

- Thuốc phải được đóng gói, dán nhãn đúng quy cách được nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu. Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định và phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.

- Có phiếu kiểm nghiệm cho từng lô thuốc theo quy định, có giấy báo lô và hạn dùng của thuốc (có thể in trên hóa đơn bán hàng) khi giao hàng.

- Về vận chuyển: Nhà thầu phải trực tiếp vận chuyển hàng hoá đến kho của các cơ sở y tế, Nhà thầu phải chịu mọi chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng, phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình vận chuyển như: bảo quản lạnh, chống nắng, nóng ẩm mốc v.v..., phương tiện vận chuyển, quy trình vận chuyển phải phù hợp với nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc - GDP” mà nhà thầu đã đạt được. Khi giao nhận thuốc tại cơ sở y tế phải thực hiện kiểm nhập tất cả các thuốc trước khi nhập kho và lập biên bản kiểm nhập có đầy đủ nội dung kiểm nhập và chữ ký của các thành viên Hội đồng kiểm nhập theo đúng quy định.

3.2. Điều kiện thanh toán

- Phương thức thanh toán: Các cơ sở y tế ký hợp đồng mua bán với nhà thầu thực hiện thanh toán cho nhà thầu bằng chuyển khoản hoặc hình thức phù hợp theo quy định hiện hành.

- Thời hạn thanh toán không quá 90 ngày kể từ khi nhà thầu giao hàng và xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu (phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán được cụ thể trong hợp đồng).

3.3. Thanh lý hợp đồng: Thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Mức giá trần tương ứng với từng loại hàng hóa

- Đơn giá thuốc trong hợp đồng mua sắm hàng hoá được ký kết giữa nhà thầu với các cơ sở y tế không vượt quá giá trúng thầu đã được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt tại Quyết định số 2797/QĐ-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt điều chỉnh tên hoạt chất của thuốc Nexavar tại Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc biệt dược gốc thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2020 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

- Giá trần này được áp dụng trên toàn quốc kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực đến hết ngày 31/5/2023.

5. Hướng dẫn sử dụng hàng hóa, điều kiện bảo hành

- Hàng hóa cung cấp có nhãn đúng quy định về nhãn thuốc, có tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam.

- Nhà thầu phải thu hồi và đổi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.

- Kiểm tra, thử nghiệm hàng hoá thực hiện theo quy định trong Điều kiện chung nêu tại Chương V và Điều kiện cụ thể nêu tại Chương VI của Hồ sơ yêu cầu.

phat
TDmc

6. Trách nhiệm của nhà thầu trong việc cung cấp hàng hóa

- Ký hợp đồng mua bán thuốc với các cơ sở y tế theo số lượng của từng mặt hàng đã phân bổ cho từng cơ sở y tế trong thời gian sớm nhất kể từ khi nhận được thông báo của Trung tâm MSTTQG. Nhà thầu có trách nhiệm tổng hợp gửi về Đơn vị Mua sắm tập trung cấp địa phương tương ứng 1 bản hợp đồng đã ký với các cơ sở y tế và gửi bản scan về địa chỉ thư điện tử nghepvduoc.ttms@moh.gov.vn của Trung tâm MSTTQG.

- Cung ứng đầy đủ thuốc và đúng tiến độ theo đúng chủng loại, số lượng, đơn giá không vượt quá giá trúng thầu thông qua đàm phán giá đã được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt. Đảm bảo duy trì lượng thuốc tồn kho tối thiểu để cung ứng cho các cơ sở y tế trên toàn quốc trung bình 01 tháng.

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu trong điều kiện chung nêu tại Chương V và điều kiện cụ thể nêu tại Chương VI được nêu trong Hồ sơ yêu cầu và nội dung của cam kết tại Hồ sơ đề xuất của nhà thầu.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng đã ký giữa Nhà thầu với các cơ sở y tế.

- Báo cáo cho Trung tâm MSTTQG về khả năng cung ứng và tình hình thực hiện hợp đồng, bàn giao, tiếp nhận thuốc theo định kỳ hàng tháng, hàng quý theo quy trình báo cáo và điều tiết do Trung tâm MSTTQG ban hành và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

- Trong trường hợp các cơ sở y tế thuộc địa phương quản lý có nhu cầu mua thêm không quá 20% số lượng đã được phân bổ và ký kết hợp đồng, nhà thầu có trách nhiệm cung cấp cho cơ sở y tế sau khi 2 bên ký kết các văn bản pháp lý về việc mua bổ sung. Nhà thầu có trách nhiệm gửi hồ sơ, tài liệu này báo cáo Sở Y tế/Đơn vị Mua sắm tập trung cấp địa phương tương ứng và Trung tâm MSTTQG.

- Trường hợp các cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế có nhu cầu tăng thêm số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung hoặc nhu cầu sử dụng thuốc của địa phương vượt quá 20% số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung thì nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với các cơ sở y tế báo cáo Sở Y tế/Đơn vị Mua thuốc tập trung cấp địa phương, Trung tâm MSTTQG để thực hiện việc điều tiết và cung cấp thuốc theo đúng quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế và quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và đàm phán giá do Trung tâm MSTTQG ban hành.

- Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp thuốc trúng thầu với số lượng không vượt quá 30% tổng số lượng được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

7. Trách nhiệm của các cơ sở y tế

- Hoàn thiện và ký hợp đồng cung cấp thuốc với Nhà thầu trong thời gian sớm nhất kể từ khi nhận được thông báo trúng thầu của Trung tâm MSTTQG/Sở Y tế/Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương/y tế các bộ ngành theo danh mục, số lượng chủng loại với giá không vượt quá giá trúng thầu thông qua đàm phán đã được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực đến hết ngày 31/5/2023.

- Bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất để tiếp nhận, bảo quản, quản lý, sử dụng thuốc trong công tác khám chữa bệnh, thanh lý hợp đồng theo quy định.

- Báo cáo cho Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương tương ứng/y tế các bộ ngành để tổng hợp, báo cáo Trung tâm MSTTQG; riêng đối với các cơ sở y tế cấp Trung ương báo cáo trực tiếp Trung tâm MSTTQG về:

+ Số lượng thuốc đã mua, số lượng thuốc đã sử dụng, số lượng còn lại chưa thực hiện định kỳ hàng quý và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

+ Báo cáo ngay những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng để xem xét giải quyết.

- Các cơ sở y tế bảo đảm sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã đề nghị mua sắm tập trung và đã được phân bổ trong thỏa thuận khung.

- Các cơ sở y tế thực hiện việc thanh toán cho nhà thầu theo đúng quy định được nêu trong điều kiện chung, điều kiện cụ thể của mẫu hợp đồng và tại mục 3.2 Thỏa thuận khung.

- Trong trường hợp cần thiết, các cơ sở y tế do địa phương quản lý hoặc các cơ sở y tế trực thuộc Bộ, ngành trên địa bàn có thể mua tăng thêm nếu sử dụng hết số lượng thuốc đã được phân bổ trong thỏa thuận khung nhưng không được vượt quá 20% số lượng đã được phân bổ. Việc mua tăng thêm số lượng thuốc được thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 13 Điều 40 và Khoản 5 Điều 46 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế hoặc theo quy trình hướng dẫn của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

- Trường hợp các cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế có nhu cầu phát sinh mới hoặc tăng thêm số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung hoặc nhu cầu sử dụng thuốc của địa phương vượt quá 20% số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung thì phải có đề xuất cụ thể số lượng cần mua thêm báo cáo về Sở Y tế/Đơn vị Mua sắm tập trung cấp địa phương tương ứng và Trung tâm MSTTQG để tổng hợp, rà soát và thực hiện việc điều tiết thuốc theo đúng quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế và quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và đàm phán giá do Trung tâm MSTTQG ban hành.

8. Trách nhiệm của các Sở Y tế/Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương/y tế các bộ ngành

- Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và thỏa thuận khung đến các cơ sở y tế y tế thuộc phạm vi quản lý theo Phụ lục 2 của Thỏa thuận khung.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà thầu trong việc thương thảo và ký hợp đồng với các cơ sở y tế.
- Tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng quý và đột xuất về Trung tâm MSTTQG về số lượng thuốc đã mua, số lượng thuốc đã sử dụng, số lượng còn lại chưa thực hiện của các cơ sở y tế địa phương và cơ sở y tế Bộ, ngành trên địa bàn.
- Báo cáo ngay những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng tại các cơ sở y tế địa phương/cơ sở y tế thuộc Bộ, ngành trên địa bàn với Trung tâm MSTTQG để giải quyết.
- Phối hợp với Trung tâm MSTTQG trong việc điều tiết việc thực hiện kế hoạch của các cơ sở y tế để bảo đảm sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã đề nghị mua sắm tập trung và đã được phân bổ trong Thỏa thuận khung theo đúng quy định tại Khoản 13, Điều 40 và Khoản 5 Điều 46 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế.
- Khi cơ sở y tế có nhu cầu sử dụng tăng/giảm trên 20% số lượng được phân bổ và trong phạm vi địa phương, Sở Y tế/Đơn vị Mua sắm tập trung cấp địa phương các tỉnh, thành phố thực hiện chức năng điều tiết trên địa bàn, hướng dẫn các cơ sở y tế và nhà thầu cung cấp thuốc tiến hành ký hợp đồng/phụ lục hợp đồng. Đồng thời có báo cáo gửi về Trung tâm MSTTQG ngay sau khi thực hiện điều tiết trên địa bàn.
- Trường hợp nhu cầu sử dụng thuốc của địa phương, của các cơ sở y tế Bộ, ngành trên địa bàn vượt quá 20% số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung thì Sở Y tế/Đơn vị Mua sắm tập trung cấp địa phương tổng hợp, báo cáo Trung tâm MSTTQG để thực hiện điều tiết số lượng thuốc giữa các địa phương, các cơ sở y tế của Trung ương trên toàn quốc theo quy trình của Trung tâm MSTTQG đã ban hành.

9. Trách nhiệm của Trung tâm MSTTQG

- Công khai thỏa thuận khung trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế và thông báo bằng văn bản đến các Sở Y tế/đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương/y tế thuộc Bộ, ngành và cơ sở y tế thuộc Bộ Y tế.
- Cung cấp các thông tin cần thiết để các đơn vị trúng thầu tiến hành ký kết hợp đồng cung cấp thuốc với các cơ sở y tế.
- Phối hợp với nhà thầu và các Sở Y tế/đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương/y tế các bộ ngành để giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình cung cấp thuốc tại các cơ sở y tế.

- Hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định trong Hồ sơ yêu cầu hoặc trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm thực hiện hợp đồng và ký hợp đồng với các cơ sở y tế.

10. Hiệu lực và thời hạn thực hiện thỏa thuận khung

- Thỏa thuận khung này là cơ sở để các cơ sở y tế ký hợp đồng mua thuốc với nhà thầu cung cấp thuốc.

- Thời gian hiệu lực và thực hiện của Thỏa thuận khung: Kể từ ngày ký đến hết ngày 31/5/2023.

11. Xử phạt do vi phạm

- Việc xử phạt do vi phạm các điều khoản của Thỏa thuận khung/Hợp đồng đã ký kết được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Thỏa thuận khung này được làm thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CÔNG TY CP DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
GIÁM ĐỐC DỰ ÁN THẦU BỆNH VIỆN



Hoàng Văn Phúc

ĐẠI DIỆN TRUNG TÂM MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trí Dũng

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC TỔNG HỢP THUỐC CUNG CẤP CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ

(Kèm theo Thỏa thuận khung số 04/2021/TTK-ĐPG ký ngày 08/6/2021)

TT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Số đăng ký	Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (tuổi thọ)	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	ĐVT	Đơn giá (có VAT, VND)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
1	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	QLSP-0757-13	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền; Tiêm truyền	30 tháng	Hộp chứa 01 lọ x 500mg / 50ml	Cơ sở sản xuất: Roche Diagnostics GmbH - Đức; Cơ sở đóng gói: F.Hoffmann-La Roche Ltd - Thụy Sĩ	lọ	19.715.180	19.210	378.728.607.800
TỔNG CỘNG: 01 khoản													
Thành tiền bằng chữ: Ba trăm bảy mươi tám tỷ, bảy trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm linh bảy nghìn, tám trăm đồng.													
												378.728.607.800	

Handwritten signature



PHỤ LỤC 2: PHẠM VI CUNG CẤP THUỐC CHI TIẾT CHO TỪNG CƠ SỞ Y TẾ

(Kèm theo Thỏa thuận khung số 04/2021/TTK-ĐPG ký ngày 08/6/2021)

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
1	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	200	19.715.180	3.943.036.000	24279	Bệnh viện Ung Bướu Bắc Giang	Bắc Giang	Sở Y Tế Bắc Giang	Bắc
2	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	60	19.715.180	1.182.910.800	27009	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh	Bắc Ninh	Sở Y Tế Bắc Ninh	Bắc
3	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	30	19.715.180	591.455.400	24014	Bệnh viện Quân y 110	Bắc Ninh	Sở Y Tế Bắc Ninh	Bắc
4	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	23	19.715.180	453.449.140	01043	Bệnh viện 198 (Bộ Công An)	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
5	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	1.000	19.715.180	19.715.180.000	01929	Bệnh viện Bạch Mai	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
6	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	200	19.715.180	3.943.036.000	01009	Bệnh viện Bưu điện (Bộ Bưu Chính v.thông)	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
7	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	120	19.715.180	2.365.821.600	01816	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
8	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	200	19.715.180	3.943.036.000	01161	Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
9	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	115	19.715.180	2.267.245.700	01934	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
10	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	130	19.715.180	2.562.973.400	01007	Bệnh viện E	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
11	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	120	19.715.180	2.365.821.600	01001	Bệnh viện Hữu Nghị	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
12	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	30	19.715.180	591.455.400	01901	Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
13	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	1.760	19.715.180	34.698.716.800	01906	Bệnh viện K	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
14	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	156	19.715.180	3.075.568.080	01915	Bệnh viện Nhi Trung ương	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
15	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	166	19.715.180	3.272.719.880	01016	Bệnh viện Quân Y 103	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
16	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	200	19.715.180	3.943.036.000	01015	Bệnh viện Quân Y 354	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
17	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	300	19.715.180	5.914.554.000	01909	Bệnh viện Tai Mũi Họng TW	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
18	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	700	19.715.180	13.800.626.000	01014	Bệnh viện trung ương Quân đội 108	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
19	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	400	19.715.180	7.886.072.000	01916	Bệnh viện Ung bướu Hà Nội	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
20	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	2.600	19.715.180	51.259.468.000	01920	Viện Huyết học và Truyền máu TW	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
21	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	80	19.715.180	1.577.214.400	01927	Viện Y học phóng xạ và U bướu Quân đội	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
22	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	416	19.715.180	8.201.514.880	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Hải Phòng	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc
23	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	300	19.715.180	5.914.554.000	17001	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình	Sở Y Tế Hòa Bình	Bắc
24	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	20	19.715.180	394.303.600	10061	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào cai	Lào Cai	Sở Y Tế tỉnh Lào Cai	Bắc
25	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	20	19.715.180	394.303.600	25001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ	Phú Thọ	Sở Y Tế Phú Thọ	Bắc
26	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	200	19.715.180	3.943.036.000	22002	Bệnh viện Bãi Cháy	Quảng Ninh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
27	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	130	19.715.180	2.562.973.400	22001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
28	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	80	19.715.180	1.577.214.400	22030	Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển - Ông bí	Quảng Ninh	Bộ Y tế	Bắc
29	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	16	19.715.180	315.442.880	19013	Bệnh viện C Thái Nguyên	Thái Nguyên	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc
30	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	100	19.715.180	1.971.518.000	19010	Bệnh viện đa khoa TW Thái Nguyên	Thái Nguyên	Bộ Y tế	Bắc
31	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	50	19.715.180	985.759.000	08101	Bệnh viện đa khoa Tuyên Quang	Tuyên Quang	Sở Y Tế Tuyên Quang	Bắc
32	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	40	19.715.180	788.607.200	26030	Bệnh viện đa khoa khu vực Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc
33	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	100	19.715.180	1.971.518.000	26001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc
34	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	64	19.715.180	1.261.771.520	52001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	Bình Định	Sở Y Tế Bình Định	Trung
35	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	48	19.715.180	946.328.640	48002	Bệnh viện C Đà Nẵng	Đà Nẵng	Bộ Y tế	Trung
36	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	383	19.715.180	7.550.913.940	48001	Bệnh viện Đà Nẵng	Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
37	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	660	19.715.180	13.012.018.800	48126	Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
38	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	60	19.715.180	1.182.910.800	66001	Bệnh viện đa khoa Vùng Tây Nguyên	Đắk Lắk	Sở Y Tế Đắk Lắk	Trung
39	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	96	19.715.180	1.892.657.280	42012	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	Trung
40	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	70	19.715.180	1.380.062.600	56001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa	Khánh Hòa	Sở Y Tế Khánh Hòa	Trung
41	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	273	19.715.180	5.382.244.140	40149	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
42	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	190	19.715.180	3.745.884.200	40575	Trung tâm huyết học-truyền máu Nghệ An	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
43	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	40	19.715.180	788.607.200	44005	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	Quảng Bình	Bộ Y tế	Trung

Handwritten signature/initials

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
44	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	30	19.715.180	591.455.400	45010	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị	Quảng Trị	Sở Y Tế Quảng Trị	Trung
45	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	100	19.715.180	1.971.518.000	38744	Bệnh viện Ung Bướu	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
46	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	276	19.715.180	5.441.389.680	46001	Bệnh viện Trung ương Huế	Thừa Thiên Huế	Bộ Y tế	Trung
47	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	273	19.715.180	5.382.244.140	46002	Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế	Thừa Thiên Huế	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	Trung
48	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	72	19.715.180	1.419.492.960	95002	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bạc Liêu	BẠC LIÊU	SỞ Y TẾ BẠC LIÊU	Nam
49	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	70	19.715.180	1.380.062.600	96001	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	Cà Mau	Sở Y Tế Cà Mau	Nam
50	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	42	19.715.180	828.037.560	92000	Bệnh viện đa khoa TW Cần Thơ	Cần Thơ	Bộ Y tế	Nam
51	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	40	19.715.180	788.607.200	92115	Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Cần Thơ	Bộ Y tế	Nam
52	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	220	19.715.180	4.337.339.600	92086	Bệnh viện Ung bướu Cần Thơ	Cần Thơ	Sở Y Tế thành phố Cần Thơ	Nam
53	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	32	19.715.180	630.885.760	75001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Nai	Đồng Nai	Sở Y Tế Đồng Nai	Nam
54	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	22	19.715.180	433.733.960	91001	Bệnh viện đa khoa Kiên Giang	Kiên Giang	Sở Y Tế Kiên Giang	Nam
55	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	90	19.715.180	1.774.366.200	82001	Bệnh viện đa khoa trung tâm Tiền Giang	Tiền Giang	Sở Y Tế Tiền Giang	Nam
56	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	64	19.715.180	1.261.771.520	79011	Bệnh viện 30/4	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
57	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	10	19.715.180	197.151.800	79397	Bệnh viện Bình Dân	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
58	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	2.600	19.715.180	51.259.468.000	79048	Bệnh viện Chợ Rẫy	TP. HCM	Bộ Y tế	Nam
59	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	405	19.715.180	7.984.647.900	79431	Bệnh viện đại học Y dược TP HCM	TP. HCM	Bộ Y tế	Nam
60	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	20	19.715.180	394.303.600	79013	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
61	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	36	19.715.180	709.746.480	79408	Bệnh viện Nhi Đồng II	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
62	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	156	19.715.180	3.075.568.080	79037	Bệnh viện Quận Thủ Đức	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
63	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	200	19.715.180	3.943.036.000	79034	Bệnh viện quân y 175	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
64	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	172	19.715.180	3.391.010.960	79025	Bệnh viện Thống Nhất	TP. HCM	Bộ Y tế	Nam
65	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	694	19.715.180	13.682.334.920	79428	Bệnh viện truyền máu huyết học	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam

TMM *Quản*

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
66	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	1.600	19.715.180	31.544.288.000	79423	Bệnh viện Ung Bướu	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
67	B0301	Mabthera	Rituximab	500mg/50ml	Tiêm truyền	lọ	40	19.715.180	788.607.200	84001	Bệnh viện đa khoa Trà Vinh	Trà Vinh	Sở Y Tế Trà Vinh	Nam
Tổng cộng: 67 khoản							19.210	19.715.180	378.728.607.800					

Tomu Janti

